

Phụ lục 03
MỤC TIÊU-NỘI DUNG NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC ĐỘ
TUỔI 3-4 TUỔI

(Kèm kế hoạch số 54/KH-TrMN ngày 25/8/2025 của trường MN Đồng Sơn
về Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục Năm học 2025-2026)

LĨNH VỰC	MÃ HÓA MỤC TIÊU	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
1. Phát triển thể chất	a. Phát triển vận động		
	MT1:	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng: + Trẻ trai: 12,7 - 21,2 kg + Trẻ gái: 12,3 - 21,5 kg - Chiều cao: + Trẻ trai: 94,9 - 111,7 cm + Trẻ gái: 94,1 - 111,3 cm.	- Đảm bảo chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi. - Chế độ dinh dưỡng ở trường hợp lý: Khẩu phần ăn đảm bảo: 665 – 676 Kcalo/ ngày (tại trường MN). - Kiểm tra sức khỏe định kỳ: 2lần/năm. - Cân, đo trẻ theo quý, mỗi quý cân, đo một lần. - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo biểu đồ phát triển. - Thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh; can thiệp sớm đối với trẻ suy dinh dưỡng và có nguy cơ suy dinh dưỡng.
	MT2:	Trẻ thực hiện được đầy đủ, đúng, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn.	<i>*/ Hô hấp:</i> + Hít vào thật sâu; Thở ra từ từ. + Hít vào thở ra kết hợp với sử dụng đồ vật. Bắt chước tiếng kêu của đồ vật, động vật. <i>*/ Các động tác phát triển cơ tay và cơ bả vai:</i> - Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước sang hai bên - Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. <i>*/ Các động tác phát triển cơ</i>

			<i>lưng, bụng, lườn:</i> - Cúi về phía trước. - Quay người sang trái, sang phải - Nghiêng người sang trái, sang phải. <i>*/ Các động tác phát triển cơ chân:</i> - Bước lên phía trước, bước sang ngang. - Co duỗi chân. - Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ.
	MT3:	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m)	- Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2 m).
	MT4:	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát.	- Đi theo đường dích dắc. - Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát.
	MT5:	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi kiễng gót liên tục 3m.	- Đi kiễng chân - Đi kiễng gót - Đi kiễng gót liên tục 3 m
	MT6:	Trẻ kiểm soát được vận động: Đi thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.	- Đi bước dồn ngang. - Đi thay đổi hướng theo đường dích dắc. - Đi thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.
	MT7:	Trẻ kiểm soát được vận động: Chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh	- Chạy theo đường hẹp (4m x 0,2m) - Chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.
	MT8:	Trẻ kiểm soát được vận động: Chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài	- Chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.

	MT9:	Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m)	- Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang. - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng dọc. - Bắt và tung bóng với cô bằng 2 tay. - Tung bắt bóng với cô (bắt được 3 lần liên tiếp không rơi bóng - khoảng cách 2,5m)
	MT10:	Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: Tự tập - bắt bóng 3 lần liên (đường kính bóng 18cm)	- Lăn bóng với cô. - Tự tập - bắt bóng 3 lần liên (đường kính bóng 18cm)
	MT11:	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng.	- Chạy 15m liên tục theo hướng thẳng.
	MT12:	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp: + Ném trúng đích ngang (xa 1,5m)	- Ném xa bằng 2 tay. - Ném xa bằng 1 tay. - Ném trúng đích ngang bằng 1 tay (xa 1,5m)
	MT13:	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.	- Bò theo hướng thẳng. - Bò chui qua cổng. - Bò theo đường đích dắc. - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m)
	MT14:	Trẻ biết trườn theo hướng đích dắc.	- Trườn về phía trước. - Trườn theo hướng thẳng - Trườn chui qua cổng. - Trườn theo hướng đích dắc..
	MT15:	Trẻ biết bước lên, xuống bục cao 30 cm.	- Bước lên, xuống bục cao 30 cm.

MT16:	Trẻ biết bật xa 20- 25 cm	- Bật tại chỗ. - Bật về phía trước. - Bật nhảy qua gậy - Bật xa 20 - 25 cm
MT17:	Trẻ thực hiện được các vận động: + Xoay tròn cổ tay + Gập, đan các ngón tay vào nhau.	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết.
MT18:	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: + Vẽ hình tròn theo mẫu + Cắt thẳng được một đoạn 10cm. + Xếp chồng 8 -10 khối không đồ. + Tự cài, cởi cúc.	- Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy - Sử dụng kéo, bút. - Tô, vẽ nguệch ngoạc. - Cài cỡ cúc.
b. Giáo dục dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe:		
MT19:	Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh.	- Một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.
MT20:	Trẻ biết tên một số món ăn hằng ngày.	- Tên một số món ăn hằng ngày: Trứng rán, cá kho, canh rau..
MT21:	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau	- Các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Sự liên quan giữa ăn uống, bệnh tật (ia chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì).
MT22:	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn.	- Làm quen với cách đánh răng, lau mặt, súc miệng... - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tháo tất, cởi quần, áo...

	MT23:	Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Rèn cách cầm bát, thìa, cốc đúng cách trong ăn, uống hằng ngày.
	MT24:	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở.	- Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ, ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Uống nước đã đun sôi...
	MT25:	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Trang phục theo thời tiết. - Một số biểu hiện khi ốm.
	MT26:	Trẻ nhận ra và biết tránh một số vật dụng nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...)
	MT27:	Trẻ biết tránh những nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Những nơi không an toàn (hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...)
	MT28:	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Một số hành động nguy hiểm như: + Cười đùa trong ăn, uống, ăn các loại quả có hạt. + Tự lấy thuốc uống, leo trèo lên bàn, ghế, lan can, + Nghịch các vật sắc nhọn. + Theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp...
	MT29:	Trẻ nhận biết được một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	- Một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ (Cháy, có người ngã chảy máu, có người rơi xuống nước)
2. Phát triển nhận	a. Khám phá khoa học:		
	MT30:	Trẻ nhận biết được chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.

thức		của cơ thể.	
	MT31:	Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi.	- Chăm chú, quan sát các sự vật, hiện tượng, hay đặt câu hỏi về đối tượng.
	MT32:	Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.
	MT33:	Trẻ nhận biết được một số phương tiện giao thông quen thuộc.	- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.
	MT34:	Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng.	- Làm thử nghiệm với các vật chìm nổi. - Quan sát, nhận xét vì sao vật chìm/ nổi trong nước.
	MT35:	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo.	- Tập thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau như xem sách, tranh ảnh, trò chuyện về đối tượng.
	MT36:	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo 1 dấu hiệu nổi bật.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi, 1 số phương tiện giao thông, cây, hoa, quả, con vật theo 1 dấu hiệu nổi bật.
	MT37:	Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.
	MT38:	Trẻ biết chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.
	MT 39:	Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô.	- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.
	MT40:	Trẻ biết được một số hiện tượng tự nhiên: Thời tiết;	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.

	mùa	
MT41:	Trẻ biết được một số hiện tượng tự nhiên: Nước, không khí, ánh sáng.	- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày.
MT42:	Trẻ biết được một số hiện tượng tự nhiên: Đất, đá, cát, sỏi.	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
MT43:	Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Thể hiện một số điều quan sát qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình như: Chơi đóng vai: Bắt chước hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn, bác sĩ khám bệnh; Hát các bài hát về cây, con vật; Vẽ xé, dán, nặn con vật cây, đồ dùng đồ chơi, PTGT đơn giản...
b. Làm quen với toán:		
MT44:	Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - 1 và nhiều
MT45:	Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 và nói kết quả so sánh: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
MT46:	Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm nhỏ.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. - Tách một số nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ.

	MT47:	Trẻ nhận ra được qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại..	- Xếp tương ứng 1- 1. - Ghép đôi. - Xếp xen kẽ
	MT48:	Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn, dài hơn/ ngắn hơn/ cao hơn, hơn/ bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước.
	MT49:	Trẻ nhận dạng và gọi tên được các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận ra và gọi tên các hình: Hình tròn, hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.
	MT50:	Trẻ biết sử dụng các hình hình học để lắp ghép.	- Lắp ghép từ các hình hình học.
	MT51:	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Xác định tay phải, tay trái của bản thân. - Xác định phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau bản thân trẻ.
	c. Khám phá xã hội:		
	MT52:	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân
	MT53:	Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình.
	MT54:	Trẻ nói được tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, lớp mẫu giáo. - Tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.
	MT55:	Trẻ kể được tên và nói được sản phẩm của nghề	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.

		nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	
	MT56:	Trẻ kể được tên của một số lễ hội, kể tên một vài danh lam, thắng ở phương	- Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.
3. Phát triển ngôn ngữ	a. Nghe:		
	MT57:	Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản.	- Hiểu và làm theo các yêu cầu đơn giản.
	MT58:	Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát gần gũi.	- Hiểu các từ khái quát chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.
	MT59:	Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Lắng nghe và trả lời câu hỏi của người đối thoại.
	MT60:	Trẻ nghe hiểu được nội dung các câu đơn, câu mở rộng.	- Nội dung các câu đơn, câu mở rộng.
	MT61:	Trẻ nghe hiểu được nội dung truyện kể, truyện đọc, các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.. - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè theo độ tuổi.
	b. Nói:		
	MT62:	Trẻ nói rõ các tiếng.	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt.
	MT63:	Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.
	MT64:	Trẻ biết sử dụng câu đơn, câu ghép.	- Câu đơn, câu ghép trong giao tiếp khi tham hoạt động vui chơi, trò chuyện với người khác... - Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì?; Ở đâu?; Khi nào?; Để làm gì?...
	MT65:	Trẻ biết bày tỏ tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu	- Bày tỏ tình cảm (yêu, ghét...), nhu cầu (ăn, ngủ, vệ sinh...) và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu

		mở rộng.	mở rộng.
	MT66:	Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân.	- Kể lại sự việc hằng ngày đã diễn ra đối với bản thân: Thăm ông bà, đi chơi, xem phim...
	MT67:	Trẻ đọc được thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò, vè.
	MT68:	Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn, bắt chước được giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ. - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.
	MT69:	Trẻ biết sử dụng các từ: “Vâng ạ”; “Dạ”; “Thưa”... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao
	MT70:	Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Cường độ giọng của bé khi giao tiếp (không quá to, không nói lí nhí, nói nhỏ trong giờ ngủ,...)
	c. Làm quen với đọc và viết:		
	MT71:	Trẻ biết được một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống với sự gợi ý của cô.	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: Đường cho người đi bộ...)
	MT72:	Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Cách cầm sách đúng chiều. - Mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Giữ gìn sách.
	MT73:	Trẻ nhìn vào tranh minh họa và gọi được tên nhân vật trong tranh.	- Quan sát vào tranh minh họa các câu chuyện, bài thơ, tranh ảnh quen thuộc và gọi tên nhân vật trong các bức tranh quan sát.
	MT74:	Trẻ tập tiếp xúc với chữ cái, sách truyện.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện.
	MT75:	Trẻ tập làm quen với	- Hướng đọc, viết: từ trái sang phải,

		cách “đọc và viết” trong tiếng Việt.	từ dòng trên xuống dòng dưới - Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
	MT76:	Trẻ thích vẽ, “Viết” nguệch ngoạc.	- Vẽ, “Viết” nguệch ngoạc theo ý thích.
4. Phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội	a. Phát triển tình cảm:		
	MT77:	Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, điều bé thích và không thích.	- Tên, tuổi, giới tính . - Những điều bé thích, không thích.
	MT78:	Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn trả lời câu hỏi.
	MT79:	Trẻ biết cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao .	- Thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...).
	MT80:	Trẻ nhận ra được cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh, ảnh.	- Một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.
	MT81:	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động.
	MT82:	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Hình ảnh Bác Hồ - Kính yêu Bác Hồ. - Nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác.
	b. Phát triển kĩ năng xã hội:		
	MT83:	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp, gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ).
	MT84:	Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn)

		nhắc nhở.	
	MT85:	Trẻ biết chờ đến lượt.	- Chờ đến lượt.
	MT86:	Trẻ biết chú ý khi nghe cô và bạn nói.	- Chú ý lắng nghe khi cô và bạn nói.
	MT87:	Trẻ biết yêu quý người thân trong gia đình.	- Yêu mến bố mẹ, anh, chị em ruột
	MT88:	Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hòa thuận với bạn
	MT89:	Trẻ nhận biết được hành vi “đúng”-“sai”, “tốt”-“xấu” dưới sự gợi ý của cô.	- Hành vi “đúng”-“Sai”; “tốt”-“xấu”
	MT90:	Trẻ biết tiết kiệm điện nước khi được nhắc nhở.	- Tiết kiệm điện, nước (Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng...)
	MT91:	Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.
	MT92:	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.
5. Phát triển thẩm mỹ	a. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên và nghệ thuật:		
	MT93:	Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên được cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ nổi bật của sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
	MT94:	Trẻ biết chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe các bài hát, bản nhạc. - Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng theo các bản nhạc, bài hát. - Chăm chú lắng nghe người khác đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, kể chuyện.

			- Thích được nghe, kể những câu chuyện bản thân biết.
MT95:	Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên được cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của tác phẩm tạo hình.		- Chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của tác phẩm tạo hình.
b. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình:			
	MT96: Trẻ thích nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.		- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca)
	MT97: Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.		- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.
	MT98: Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách nhịp, vận động minh họa).		- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.
	MT99: Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.		- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.
	MT100: Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành các bức tranh, xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. Biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 hoặc 2 khối; xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có		- Sử dụng các kỹ năng: vẽ, nặn, cắt dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.

		cấu trúc đơn giản.	
		MT101: Trẻ nhận xét được các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét.
	c. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật:		
		MT102: Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.
		MT103: Trẻ biết tạo ra các sản phẩm theo ý thích.	- Tạo ra sản phẩm theo ý thích.
		MT104: Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.

Phụ lục 06:
DỰ KIẾN THỜI GIAN VÀ CÁC CHỦ ĐỀ TRONG NĂM HỌC
(Kế hoạch số 54/KH-TrMN ngày 25/8/2025 của trường MN Đồng Sơn
về Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục Năm học 2025-2026)

STT	TÊN CHỦ ĐỀ LỚN	SỐ TUẦN	THỜI GIAN	CÁC SỰ KIỆN LỚN TRONG NĂM
1	Trường mầm non	3 tuần	Từ 08/9/2025 đến 26/9/2025	
2	Bản thân	3 tuần	Từ 29/9/2025 đến 17/10/2025	- Tết trung thu (Dự án)
3	Gia đình	3 tuần	Từ 20/10/2025 đến 07/11/2025	- Ngày thành lập hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam 20/10
4	Nghề nghiệp	4 tuần	Từ 10/11/2025 đến 05/12/2025	- Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11
5	Thế giới động vật	4 tuần	Từ 08/12/2025 đến 02/01/2026	- Ngày thành lập QĐND Việt Nam 22/12
6	Thế giới thực vật	3 tuần	Từ 05/01/2026 đến 23/01/2026	
7	Tết và mùa xuân	3 tuần	Từ 26/01/2026 đến 13/02/2026	- Tết nguyên đán (Dự án)
<i>(Nghỉ tết nguyên đán từ ngày 16/02/2026 đến ngày 28/02/2026 dương lịch)</i> <i>(Từ ngày 29/12 đến hết ngày 12/01 âm lịch)</i>				
8	Một số phương tiện và quy định giao thông.	5 tuần	Từ 02/3/2026 đến 03/4/2026	- Ngày Quốc tế phụ nữ 08/3
9	Nước - Hiện tượng tự	3 tuần	Từ 06/4/2026 đến 24/4/2026	Ngày giỗ tổ Hùng Vương

	nhiên.			
10	Quê hương - Đất nước- Bác Hồ.	4 tuần	Từ 27/4/2026 đến 22/5/2026 (Từ 29/4 – 3/5 nghỉ ngày lễ và tổ chức ôn luyện, hoạt động trải nghiệm, Kỹ năng sống, ngoại khóa)	Ngày giải phóng Miền nam 30/04 Ngày Quốc tế lao động 01/05 Sinh nhật Bác Hồ 19/05
<i>Kết thúc học kỳ I: 09/01/2026</i> <i>Kết thúc chương trình: 22/5/2026</i> <i>Kết thúc năm học 30/05/2026</i>				